

**GIỚI THIỆU SÁCH**

**CÁC TỘC NGƯỜI Ở MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM VÀ MÔI TRƯỜNG(\*)**

LÊ PHẠM NGỌC QUỲNH

Việt Nam là quốc gia có nhiều dân tộc, trong đó có dân tộc Việt, Hoa, Chăm, Khơme chủ yếu sống ở vùng đồng bằng còn lại cư trú ở vùng miền núi. Các dân tộc ở miền núi từ rất xa xưa dựa vào sự khai thác các tiềm năng thiên nhiên để duy trì cuộc sống và thoả mãn các nhu cầu của mình.

Miền núi phía Bắc, lâu nay được xem gồm có 12 tỉnh: Lai Châu, Hà Giang, Tuyên Quang, Sơn La, Hoà Bình, Yên Bái, Lào Cai, Thái Nguyên, Bắc Cạn, Cao Bằng, Lạng Sơn và Quảng Ninh. Ở đây có hơn 30 dân tộc cư trú, nơi có nhiều tiềm năng về môi trường sinh thái, đồng thời là địa bàn xung yếu về kinh tế và quốc phòng của Tổ quốc.

Khu vực miền núi phía Bắc dân số ngày một tăng, trong khi tài nguyên thiên nhiên ngày một cạn kiệt, do vậy việc nghiên cứu mối quan hệ giữa con người, các tộc người với môi trường để có phương sách ứng xử cho thoả đáng là một yêu cầu bức thiết của nhiều ngành nhiều cấp.

"Các tộc người ở miền núi phía Bắc Việt Nam và môi trường" của PTS. Hoàng Hữu Bình là công trình khoa học xuất phát từ yêu cầu trên. Đây là kết quả cả hơn chục năm đi điền dã dân tộc học ở nhiều vùng, nhiều dân tộc ít người thuộc miền núi phía Bắc để thu thập tài liệu điều tra nghiên cứu. Cuốn sách ngoài phần giới thiệu của PGS. PTS Khổng Diễn, Viện trưởng Viện Dân tộc học, có 3 chương và kết luận:

*Chương 1: Môi trường tự nhiên* (từ trang 10 - trang 39). Phần này tác giả trình bày 2 vấn đề: *Đặc điểm chung của môi trường tự nhiên và sự phân hoá của môi trường tự nhiên* khu vực miền núi phía Bắc. Với khu vực này tác giả cho rằng miền núi phía Bắc nằm hoàn toàn trong vòng đai nội chí tuyến Bắc bán cầu, điều đó quy định *tính chất nhiệt đới, tính chất theo mùa* của điều kiện tự nhiên trong vùng. Sự kết hợp giữa đặc điểm nhiệt đới và theo mùa tạo nên nên tảng "tự nhiên độc đáo và đa dạng"(tr. 11). Đồng thời tác giả cũng cho rằng miền núi miền Bắc có ba đai cao:

- Đai nội chí tuyến chân núi (từ 0 - 600m).
- Đai á nhiệt đới (từ độ cao 600 - 2.600m).
- Đai ôn đới trên núi (từ độ cao trên 2.600m).

Tương ứng cho sự phân chia 3 đai đó là 3 vùng: vùng thấp (dưới 500m); vùng giữa (từ 500 - 1000m) và vùng cao (trên 1.000m).

(\*). Tác giả Hoàng Hữu Bình, Nxb, Khoa học xã hội, H. 1998, 222 trang, khổ 14,5 x 20,5 cm.

Đối với khí hậu vùng núi phía Bắc có sự ảnh hưởng lớn của biển Đông thể hiện rõ nhất là hệ thống gió đất, gió biển làm cho nhiệt độ ngày đêm chênh lệch nhau từ 1 - 3°C tùy theo mùa và địa phương. Về điểm này tác giả đi vào trình bày các tiểu vùng cụ thể như: Vùng Tây Bắc, vùng Đông Bắc, vùng Trung tâm. Trong mỗi vùng cụ thể này tác giả có các biểu thống kê so sánh nhiệt độ, mưa và độ ẩm; hàm lượng chất dinh dưỡng đất đai; trữ lượng gỗ rừng, ở một số điểm cụ thể trong vùng.

*Chương II. Sự phân bố các tộc người* (từ trang 40 - 96). Chương này tác giả trình bày 2 vấn đề chủ yếu:

- *Khái quát chung về dân số, dân tộc.* Miền núi phía Bắc là nơi có 31 dân tộc cùng cư trú trong một quá trình lịch sử lâu dài. Có dân tộc là cư dân bản địa, có dân tộc mới di cư đến vài chục năm trở lại đây. Các dân tộc mới di cư đến theo tác giả chủ yếu do 3 luồng: phía bắc xuống, phía tây sang và phía nam từ đồng bằng lên. Sự hội nhập của ba luồng di cư đó làm thay đổi bức tranh phân bố dân cư và tạo nên sự hiện diện của sự phân bố dân cư hiện nay. Trong mục này tác giả đưa ra bảng biến động dân số các dân tộc 10 năm từ 1979 - 1989 ở các tỉnh miền núi phía Bắc.

- *Sự phân bố các tộc người.* Tác giả dựa trên hai chiều phân hoá của môi trường tự nhiên để đi đến kết luận sự phân bố các tộc người cũng biến đổi theo hai chiều: đông - tây và độ cao. Sự phân bố theo chiều đông tây có sự chênh lệch về mật độ dân cư chút ít (Đông Bắc mật độ dân cư cao hơn Tây Bắc) và thành phần tộc người Tây Bắc lại phức tạp hơn Đông Bắc. Sự phân bố theo độ cao thì theo tác giả "chia thành 3 đai cao tộc người". Đó là:

*Đai chân núi (vùng thấp)* với các dân tộc Kinh, Tày, Thái, Nùng, Sán Chay, Mường, Sán Dìu, Hoa, Ngái. Đây là vùng nông nghiệp phát triển, địa bàn các dân tộc cư trú ổn định nhất ở miền núi phía Bắc.

*Đai sườn núi (vùng giữa, rẻo giữa)*, là nơi cư trú của các dân tộc: Dao, Giáy, Khơmú, Xinh Mun, Lào, Thổ. Về kinh tế các dân tộc sống ở vùng này ngoài một ít ruộng nước, ruộng khô, ruộng bậc thang họ còn sống nhờ nương rẫy quảng canh và luân canh.

*Đai đỉnh núi (vùng cao, rẻo cao)*, đây là vùng chuyển tiếp sang á nhiệt đới hay ôn đới núi cao. Là nơi cư trú chủ yếu của các dân tộc: Hmông, Hà Nhì, La Chí, Phù Lá, La Hủ, Lự, Phà Thèn, Kháng, Lô Lô, Mảng, Cờ Lao, Bố Y, La Ha, Cống, Si La, Pu Péo. Vùng này ruộng nước rất ít, đồng bào chủ yếu sống du canh, du cư. Kinh tế hái lượm có một vai trò quan trọng trong đời sống, chăn nuôi chưa phát triển.

*Chương III: Các tộc người và môi trường* (từ trang 97 - 207). Đây là chương chính của cuốn sách, tác giả trình bày 4 vấn đề:

- *Những quan niệm chung về mối quan hệ giữa con người và môi trường.*

- *Tác động của môi trường đến các tộc người: tiềm năng thiên nhiên.*

- *Tác động của các tộc người đến môi trường: Khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên.*

- *Một số vấn đề về hướng khai thác các tiềm năng thiên nhiên.*

Theo tác giả, "môi trường địa lý là một trong những điều kiện thường

xuyên và cần thiết đối với sự phát triển của xã hội và là cơ sở vật chất của nó. Việc thừa nhận ảnh hưởng to lớn của tự nhiên tới xã hội loài người, không có gì chung với quyết định luận địa lý ở giới hạn là: ảnh hưởng của môi trường địa lý tới xã hội loài người không được coi là quyết định. Nhân tố quyết định sự phát triển của sự phát triển xã hội loài người là phương thức sản xuất mà trực tiếp là yếu tố lực lượng sản xuất' (tr. 103).

Môi trường tự nhiên là rừng vàng, cung cấp thường xuyên, trực tiếp các loại lâm, thổ sản phục vụ đời sống hàng ngày của đồng bào như các loại gỗ, tre, nứa... để làm nhà, làm các dụng cụ sản xuất và đồ dùng trong sinh hoạt... ; các lâm sản quý khai thác phục vụ xuất khẩu; các loại cây rau, củ, quả... và các loại động vật hoang như cây, cáo, ong, lợn, hoẵng... cũng góp một phần đáng kể cho bữa ăn hàng ngày của người dân.

Môi trường thiên nhiên: là đất đai để trồng trọt, chăn nuôi; là không gian sinh thái cho con người hít thở không khí trong lành..... Như vậy môi trường tự nhiên ở miền núi miền Bắc có khả năng phát triển kinh tế toàn diện bao gồm lâm, nông, công nghiệp với các thế mạnh về rừng, cây công nghiệp, chăn nuôi đại gia súc và tiểu gia súc, khai khoáng và du lịch.

Môi trường thiên nhiên ưu đãi con người rất lớn, nhưng con người không biết giữ gìn, chăm sóc bảo vệ một cách khoa học mà tàn phá bừa bãi, thì ngược trở lại môi trường thiên nhiên sẽ gây tác hại khôn lường cho con người. Chính vì vậy, vấn đề bảo vệ rừng nói riêng và môi trường thiên nhiên nói chung cho đến hiện nay đã là vấn đề "có tính chất toàn cầu, liên quan

trực tiếp đến sự sống còn của nhân loại".

Chương này tác giả có nhiều tư liệu thực tế phong phú và cũng đã nêu lên được những nội dung cơ bản của "luật bảo vệ môi trường" và các văn bản quy định về bảo vệ rừng của Đảng và Nhà nước ta.

Hiện nay, đồng bào các dân tộc trong quá trình khai thác môi trường thiên nhiên đã đi đến một chiều hướng không tốt. Họ khai thác môi trường thiên nhiên một cách bừa bãi. Do đó, Đảng và Nhà nước ta cần có chính sách đầu tư cho đồng bào miền núi nói chung và đồng bào miền núi phía Bắc nói riêng làm sao vừa phát triển kinh tế - xã hội vừa bảo vệ được môi trường thiên nhiên để trong tương lai gần môi trường sinh thái nơi đây trở lại trạng thái cân bằng.

Sau khi đọc xong cuốn sách và suy ngẫm, chúng tôi nhận thấy đây là một công trình khoa học công phu: vừa có nội dung phong phú và khối tư liệu thực tế dồi dào. Cuốn sách nay không chỉ có giá trị khoa học mà còn có giá trị ứng dụng thực tế cho các địa phương. Về mặt hình thức, là cuốn sách đẹp, khuôn khổ vừa phải, ít sai sót về mặt kỹ thuật và lỗi chính tả.

Tuy nhiên, cuốn sách vẫn còn một số hạn chế nhất định. Như chưa đi sâu vào từng khía cạnh của môi trường và của từng tộc người cụ thể. Song, tác giả cũng đã dựng lên được bức tranh khá sinh động về môi trường tự nhiên, phân bố tộc người và mối quan hệ giữa các tộc người và môi trường trong khu vực miền núi phía Bắc.

Tạp chí Dân tộc học, giới thiệu cùng bạn đọc và làm quen với tác giả qua tác phẩm đầu tay này và hy vọng nhiều công trình của tác giả ra đời.

## TIN HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC

### TOẠ ĐÀM VỀ " DÂN SỐ VÀ CÁC DÂN TỘC Ở HÒA BÌNH "

Trong khuôn khổ hợp tác giữa Trung tâm Sinh thái - Dân số học tộc người, thuộc Viện Dân tộc học với Ủy ban Dân số - KHHGD tỉnh Hòa Bình, ngày 19/5/1998, tại Hòa Bình đã diễn cuộc tọa đàm về: " Dân số và phát triển các dân tộc ở Hòa Bình "

Cuộc tọa đàm được tiến hành dưới sự chủ trì của đồng chí Bạch Công Diệu, phó Bí thư thường trực Tỉnh uỷ; đồng chí Hà Công Động, Phó chủ tịch UBND tỉnh; Phó Chủ nhiệm thường trực UBDS - KHHGD tỉnh Hòa Bình. Đến dự tọa đàm có các đồng chí Lão thành Cách mạng của tỉnh: đồng chí Nguyễn Văn Hậu, nguyên chủ tịch UBND tỉnh; đồng chí Nguyễn Nhiều Cốc, nguyên Bí thư Tỉnh uỷ... ; các đại biểu, đại diện cho các dân tộc (Kinh, Mường, Thái, Dao, Tày,...), các ban, ngành, đoàn thể của tỉnh như: Ban Tuyên giáo, Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Sở Y tế, Sở Giáo dục -Đào tạo, Sở Kế hoạch - Đầu tư ... ; đại diện Huyện uỷ, UBND các huyện Lương Sơn, Đà Bắc, Mai Châu ... ; cơ quan Trung ương có Nhà báo Nguyễn Viết Bình, Phó Vụ trưởng Vụ thông tin giáo dục tuyên truyền của Ủy ban Quốc gia Dân số- KHHGD. Đến dự tọa đàm còn có các phóng viên báo chí và đài phát thanh truyền hình của trung ương và địa phương.

Mục đích của cuộc tọa đàm là thảo luận và thống nhất về nội dung cuốn sách: "Dân số và phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc ở Hoà Bình". Ban biên tập cuốn sách gồm các nhà khoa học của Trung tâm Sinh thái- Dân số học tộc người của Viện Dân Tộc học và lãnh đạo Ủy ban dân số- KHHGD tỉnh đã nhận được gần 40 ý kiến đóng góp bằng văn bản và bằng lời của các đại biểu cho nội dung và bố cục của cuốn sách. Ban biên tập sẽ tiếp tục bổ sung phân số liệu và hoàn thiện bản thảo cuốn sách để tháng 8/1998 đưa vào in ấn và sớm ra mắt bạn đọc vào cuối năm 1998. Sau khi thảo luận sôi nổi, các đại biểu dự tọa đàm đã đưa đến kết luận : Nội dung cuốn sách cần nêu lên được mối quan hệ qua lại giữa dân số- KHHGD với tăng trưởng kinh tế và chất lượng cuộc sống nhân dân các dân tộc ở Hoà Bình trong những năm vừa qua. Cuốn sách, vừa là cuốn sử biên niên về dân số Hoà bình, vừa tổng kết được những bài học kinh nghiệm về công tác Dân số - KHHGD, nhất là từ khi có Nghị quyết Hội nghị IV BCH TƯ Đảng ( khoá 7) về "Chính sách dân số - KHHGD", giúp cho công tác dân số - KHHGD của tỉnh Hoà Bình ngày càng có hiệu quả hơn trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Đào Huy Khuê